

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH TÙY SỐ DIỄN NGHĨA SAO

QUYỂN 26

- Số từ câu: “Cõi đã chẳng đồng” tiếp xuống: Là phần thứ ba, giải thích văn. Phần này gồm bốn:

Một: Nối tiếp phần trước để dẫn đến phần tiếp theo.

Hai: Chính thức giải thích văn kinh.

Ba: Nhận xét, phân biệt, giải thích chỗ vướng mắc.

Bốn: Lần lượt dẫn dắt, dung hợp.

- Số từ câu: “Ba phần đầu” tiếp xuống: Là phần hai, chính thức giải thích văn kinh. Giải thích câu thứ nhất, văn nơi bản Số giải có hai:

Một là, chính thức giải thích.

Hai là giải đáp chỗ vướng mắc.

- Một: Nói “Tất cả các cõi Tịnh, uest”: Đây là chung cho ba cõi, chỉ trừ cõi Pháp tánh, vì nói “Do chung cả Tuệ Lực tạo thành”. Đây tức là văn nơi kệ: “Trí Tuệ, Lực thần thông như thế”.

Nói “Vì muôn vật để chọn lấy, theo đây mà ứng hiện khắp” tức ngoại trừ Tự Thọ dụng, còn lại đều là Vật.

- Số từ câu: “Phật ứng hiệu thì tóm hợp cả” tiếp xuống: Là giải thích chỗ vướng mắc. Ở đây có hai vướng mắc:

Một: Vướng mắc về chỗ “đều gọi là cõi Phật”: Nghĩa là cõi có tịnh, uest. Cõi uest há là cõi Phật? nên nay giải đáp: Uest cũng là cõi Phật. “Ngôi nhà hư nát trong ba cõi thuộc về một người. Cõi Sa-bà uest tạp xấu ác ở trong thế giới Hoa Tạng là cõi Phật của chúng ta”.

Hai: Theo lời Phật giảng nói thì không một quốc độ nào là không thanh tịnh, tức vướng mắc về chỗ “Chung nơi cõi uest gọi là cõi tịnh”. Đây là do trong kinh Tịnh Danh có trường hợp Đồng tử bảo Tích xin được nghe về tính chất thanh tịnh nơi quốc độ của Phật. Phật đáp lại nói: “Các loài chúng sinh...” tức là không phân biệt tịnh uest. Uest cũng là cõi tịnh. Cho nên đồng tử sinh nghi, cho rằng “uest” được gọi là cõi Phật, cần

cứ vào cõi uest của Phật thống lãnh được gọi là cõi Tịnh. Thì dựa vào lý gì? Nên có lời đáp này: Cõi Phật đều thanh tịnh nhưng do đâu Tôn giả Thân Tử thấy nào là gò đống hầm hố? Phật nói: “Cõi này của Như Lai là thanh tịnh mà Tôn giả không thấy...” nói “đã tức uest mà là tịnh nên là chẳng thể nghĩ bàn”. Tức là dùng nghĩa nêu trên hợp với văn nơi kệ tiếp theo. Kệ viết: “Cảnh giới Thế Tôn chẳng thể nghĩ bàn”.

- Số câu: “Nếu là Pháp tánh tức do thức gốc là thân Như Lai Tạng: Là căn cứ nơi Như Lai Tạng tùy duyên thành lập các cõi Tịnh, uest. Như phần bàn về Phẩm Tam muội đã dẫn kinh Lăng già nói: Đây là theo tướng chung, không hạn cuộc nơi chúng sinh, cũng chẳng giới hạn nơi Phật. Nếu nói: “Pháp như thế” (cũng gọi là Pháp tánh), tức đạo lý của “Pháp là như thế”, mà phần thập Địa đã nêu bày, nên Số giải đã kết hợp hai văn, ở nơi Lý có thể nhận thấy.

- Số từ câu: “Nghịệp có thiện, ác” tiếp xuống: Văn nơi bản Số giải gồm hai phần:

Một: Giải thích tổng quát.

Hai: Từ câu: “Nên kinh Tịnh Danh” tiếp xuống: Là dẫn chứng. Nêu dẫn ba kinh (kinh Tịnh Danh, kinh đại Bát Niết-bàn và kinh Quán Vô Lượng Thọ) với bốn đoạn văn. Kinh Tịnh Danh có hai đoạn, đều thuộc phẩm Phật Quốc.

Thứ nhất: “Dùng muôn hạnh làm nhân” kinh nói: “Đồng tử bảo Tích nên biết: Tâm ngay thẳng là tịnh độ của Bồ tát. Khi Bồ tát thành Phật thì những chúng sinh không dua nịnh sẽ vãng sinh về quốc độ ấy. Tâm sâu xa là tịnh độ của Bồ tát, Bồ tát khi thành Phật có những chúng sanh đầy đủ công đức sẽ sinh sang quốc độ ấy Tâm bồ đề là tịnh độ của Bồ tát” “Khi Bồ tát thành Phật các hàng chúng sanh Đại thừa sẽ sinh sang quốc độ ấy” Phần tiếp theo nêu ra các pháp như sáu độ v.v. Cho nên gọi là “ dùng muôn hạnh làm nhân”.

Thứ hai: Lại cho rằng: “Các loài chúng sinh là cõi Phật của Bồ tát”, cũng là văn của Phẩm đã dẫn.

Từ câu: “Nghĩa là Pháp tánh tuy một” tiếp xuống: Là cùng giải thích hai đoạn nêu trên, văn nơi bản Số giải phân làm ba:

Một: Câu “Theo nghịệp thành ra khác”: Là giải thích câu “dùng muôn hạnh làm nhân” ở trên, đây là Nhân ở cõi.

Hai “Câu: “Phật tùy theo các loại chúng sinh khác nhau mà chọn lấy cõi để thâm nhiếp chúng sinh” là giải thích phần văn nêu trên. Lại nói “Các loài chúng sinh là cõi Phật của Bồ tát”: Đây là duyên của cõi.

Ba: Từ câu: “Kinh Niết-bàn” tiếp xuống: Là dẫn riêng một kinh

khác để xác nhận nghĩa thứ nhất kia.

Theo trong phần hai, cũng nêu dẫn văn thuộc Phẩm Phật Quốc, đồng tử Bảo Tích hiến cúng Phật các Lọng báu. Phật nhân đấy mà hiện bày sự biến hóa về tướng của cõi Tịnh. Đồng tử liền cầu về nhân đầu tiên hỏi: “Xin được nghe về tính chất thanh tịnh nơi quốc độ của Phật” tức là nêu về Quả. “Kính mong đức Thế Tôn nói về các việc làm để thực hiện tịnh độ của các Bồ tát”. Phật đáp: “Các chúng sinh là cõi Phật của Bồ tát. Vì sao? Vì Bồ tát tùy theo chúng sinh được giáo hóa mà chọn lấy cõi Phật. Tùy theo chúng sinh được điều phục mà chọn lấy cõi Phật”. Tùy các chúng sanh nên do quốc độ nào để khởi căn cơ Bồ tát mà chọn lấy cõi Phật.

Giải thích: Hai câu trên là biện minh chung về việc chọn lấy cõi, toàn bộ là vì muôn loài.

Kinh viết: “Tùy nơi các chúng sinh nên do quốc độ nào để hội nhập trí tuệ của Phật mà chọn lấy cõi Phật...”.

Giải thích: Ở đây là nêu rõ về nguyên do của sự khác nhau nơi Cõi.

Phần kinh tiếp theo đưa ra sự giải thích: “Vì sao? Vì Bồ tát chọn lấy nơi cõi Tịnh đều nhằm đem lại lợi ích cho chúng sinh” Ý nơi phần kinh giải thích nói: Bồ tát tu tập về Nhân, chọn lấy cõi đều nhằm duyên với chúng sinh, nếu không có chúng sinh thì chọn lấy cõi để làm gì? Đây đều là duyên của cõi Tha Thọ dụng và cõi Biến Hóa. Cho nên trong Luận Duy Thức nói hai cõi đều do Hạnh lợi tha mà thành, cũng là làm rõ việc vì chúng sinh mà chọn lấy cõi. Kinh Duy-ma-cật đã nêu ví dụ: “Như người có muốn tạo lập đền đài thì cần dựa nơi chỗ đất trống. Nếu không có hư không thì rốt cuộc chẳng thể thành tựu. Muốn tu tập tịnh độ ắt phải duyên nơi chúng sinh. Nếu không có chúng sinh thì không có nơi chốn để tu hướng tới”.

- Sở từ câu: “Kinh Niết-bàn nói về điều thiện nhỏ” tiếp xuống: Là dẫn riêng một kinh khác để xác nhận về nghĩa thứ nhất. Tức là kinh Đại Bát Niết-bàn quyển thứ hai mươi một. Phẩm Bồ tát Cao Quý Đức Vương. Bồ tát Lưu Ly Quang từ thế giới Bất động đến thế giới này, nên Bồ tát Vô úy hỏi Phật: “Chúng sanh ở cõi Sa-bà nầy nên thực hành theo nghiệp gì để được sinh về thế giới Bất động?” Phật đã dùng kệ đáp lại nêu ra mười nghiệp thiện, mỗi mỗi đều được sanh về cõi ấy.

Nói “Điều thiện nhỏ”, tức như kệ viết:

*Đối với Phật, Pháp, Tăng
Cúng dường một hương, đèn*

*Cho đến dâng một hoa
Thì sinh cõi Bất động.
Nếu vì có sợ hãi
Lợi dưỡng cùng phước đức
Chép một kệ kinh này
Thì sinh cõi Bất động.*

Lại nói:

*“Tạo tượng hoặc tháp Phật
Dù chỉ bằng ngón tay
Thường sinh tâm hoan hỷ
Tức sinh cõi Bất động”*

- Số câu: “Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói về ba tâm”:

Có ba thứ ba tâm:

Thứ nhất: Đức Phật vì Hoàng hậu Vi đề Hy hiện bày về cõi Tịnh. Hoàng hậu nguyện sinh về cõi ấy, nên cầu Nhân. Phật dạy: “Muốn sinh về cõi ấy thì phải tu tập ba thứ phước:

Một là, hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ các bậc sư trưởng, tâm từ bi không giết hại cùng tu tập mười nghiệp thiện.

Hai là, thọ trì ba Quy y, đầy đủ các giới cấm, chẳng hủy phạm oai nghi.

Ba là, phát tâm Bồ đề, tin sâu về nhân quả, đọc tụng kinh Đại thừa, khuyến khích người tinh tấn tu tập.

Ba sự việc như thế gọi là Nghiệp tịnh. Phật bảo Tôn giả A nan cùng Vi Đề Hy: Chư vị nay biết chăng? Ba thứ nghiệp ấy là nhân chính nơi Nghiệp tịnh của chư Phật trong ba đời quá khứ hiện tại vị lai.

Giải thích: Nếu thực hành đầy đủ ba nghiệp tịnh ấy thì cõi Tịnh nào mà không đạt đến. Vậy thì các chúng sinh nào theo Phật để được gọi chung là chúng sinh? Như trên đã dẫn, tức đoạn “Tâm ngay thẳng là cõi Phật của Bồ tát. Bồ tát khi thành bậc Chánh Giác thì những chúng sinh chẳng đua nịnh sẽ được vãng sinh về quốc độ ấy...”

Thứ hai: Trong phần nói về “Thượng phẩm thượng sinh” kinh viết: Như có chúng sinh nguyện về quốc độ ấy, phát ba thứ tâm liền được vãng sinh. Những gì là ba tâm?

Một là Tâm chí thành.

Hai là Tâm sâu xa.

Ba là Tâm Hồi hướng phát nguyện.

Người đầy đủ ba Tâm ấy thì ắt được vãng sinh về quốc độ kia.

Thứ ba: Kinh viết: “ Lại có ba loại chúng sinh sẽ được vãng sinh.

Ba loại chúng sinh ấy là:

Một: Có từ tâm, không sát hại, đầy đủ các giới hạnh.

Hai: Đọc tụng các kinh điển Phương đẳng Đại thừa.

Ba: Tu tập hành trì sáu niệm, hồi hướng phát nguyện, nguyện sinh về quốc độ ấy.

Người thực hiện đầy đủ các công đức ấy thì từ một ngày đến bảy ngày liền được vãng sinh”.

Giải thích: Ba Tâm thứ ba phần nhiều giống với ba câu của phần một. Mà hợp hai Tâm của phần một mở ra Tâm một của phần sau.

Các Tâm trên đây, chẳng phải chỉ là “được sinh về quốc độ kia”, mà còn là Nhân của sự vãng sinh, cũng có thể được gọi là Nhân của sự tu tập để hình thành cõi Tịnh kia. Cho nên kinh Quán Vô Lượng Thọ đã viết: “Nhân chính nơi Nghiệp tịnh của chư Phật trong ba đời”. Nay nêu dẫn làm Nhân của cõi Phật.

- Sơ câu: “Ba phần nêu trên, một là Nhân, hai là Duyên, ba là Nhân”:

Về Nhân thì tóm lược có hai:

Một là Nhân Biến Hóa. Tức là phần một nói về thần lực của Như Lai “gồm chung cả Tuệ, Lực mà thành”.

Hai là, Nhân cảm cầu về cõi tịnh, tức là phần thứ ba (Nghiệp lực của chúng sinh).

Về Duyên cũng có hai:

Một là, căn cứ nơi Cảnh, lợi vật, lấy chúng sinh làm Duyên.

Hai là, nhiếp Cảnh theo Tâm, đều là sự biến hiện từ Thức.

Ở đây, nghĩa thứ hai chính là chân tâm theo Duyên mà biến hiện.

- Sơ câu: “Tiếp theo, bốn là biện minh riêng, có Nhân có Duyên”:

Như đại Viện Cảnh Trí với đối tượng được thành tựu là Duyên nơi Nhân của cõi Biến Hóa, chung cả Nhân, chung cả Duyên. Phật dùng chúng sinh là Duyên. Chúng sinh lấy Phật làm Duyên.

- Sơ câu: “Chúng sinh, Bồ tát cùng tạo nên một duyên”: Trên đã biện minh chung tức đoạn “Tâm ngay thẳng là cõi Tịnh của Bồ tát v.v...”. Nếu Bồ tát tự mình tu tập về tâm ngay thẳng thì hạng chúng sinh đua nịnh nhờ đâu mà được vãng sinh? Vì thế nên khuyên mọi loài cùng tu tâm ngay thẳng. Cho nên Bồ tát dùng nhân của Tâm ngay thẳng để chọn lấy cõi của Tâm ngay thẳng, do ứng hợp với chúng sinh có tâm ngay thẳng là cùng tạo nên một duyên vãng sinh đến quốc độ ấy. Muôn

hạnh đều như thế, nên viết: “Tùy theo hành nghiệp”.

Nói “Phàm Thánh cùng cư ngụ”: Tức là cõi Biến Hóa. Nếu như nơi Tha Thọ dụng chỉ là chỗ ngụ của bậc Thánh, thì cõi Biến Hóa phàm Thánh cùng cư ngụ có hai nghĩa:

Một: Theo cơ duyên để biến hóa.

Hai: Ở trong thân phàm phu, mới chứng đắc quả Thánh, nên cũng cho là “ cùng cư ngụ”.

- Số câu: “Hai thứ ba, bốn là Nhân của cõi Tha Thọ dụng”: Tóm lược như văn của Luận Duy Thức đã dẫn ở trên. Luận Duy Thức toàn bộ dựa theo Phật để nói về Nhân. Nay chung cho Bồ tát, nghĩa là trong nhân của Phật tu tập hai nhân này thành Tha Thọ dụng, tức là Nhân của Phật. Hai là Bồ tát trụ địa tu tập hai nhân ấy, đạt được Tha Thọ dụng là căn cứ nơi nhân của Bồ tát. Nơi địa thứ nhất, tám địa, kinh Thập Địa có nêu giảng rộng.

- Số câu: “Thắng giải giữ lấy chỗ ấn chứng, theo tâm mà chuyển biến”: Thắng giải, do đối với Cảnh đã giữ lấy chỗ ấn chứng làm Tánh. Giữ lấy chỗ ấn chứng nơi vạn Cảnh để theo tâm mà chuyển biến.

- Số câu: “Một là chỗ xuất phát của thiện căn, gọi là trong Nhân”:

Tức là sự tu tập, hành trì về hai nẻo tự lợi, lợi tha là viên dung, không bị chướng ngại, nên mới đạt được như thế.

- Số từ câu: “Cõi Pháp tánh kia” tiếp xuống: Là phần ba, nhận xét, phân biệt, giải đáp chỗ vướng mắc. Vấn nạn nêu: “Mười câu ở trên hàm chứa bốn cõi, vậy sao chỉ nêu rõ riêng về nhân của ba cõi?” Nên vì thế mà ở đây đã giải thích như thế.

Tiếp theo lại nêu câu hỏi: “Ngoài bốn cõi còn nêu riêng về cõi viên dung nên có năm cõi” do vậy nay đáp rằng:

Ba cõi sau chỉ dung hợp với các giáo pháp khác. Còn bốn tức là tông chỉ của kinh Hoa Nghiêm. Chẳng phải có riêng một thể. Nhân của sự viên dung ấy cũng như đã nói ở trên. Lại nữa, nói về cõi Tịnh thì gồm có hai nghĩa:

Một: Hành nghiệp tịnh là Nhân, cảm cầu về tướng tịnh của Quả.

Hai: Đức nghiệp là Nhân, cảm cầu về sự thanh tịnh tự tại là Quả.

Hành nghiệp thì bắt đầu từ phàm phu, chung cuộc là đạt đến thập Địa. Đức nghiệp thì khởi đầu từ bất động, chung cuộc đạt tới Như Lai.

Phần thứ hai biện minh riêng là Hành nghiệp thanh tịnh. Phần thứ ba thấu tóm, dung thông là Tự Tại thanh tịnh. Phần thứ nhất biện minh chung thì gồm đủ hai thứ thanh tịnh ấy, nên văn nơi Số cho là ba.

- Số từ câu: “Lại, mười sự ấy lần lượt sinh khởi” tiếp xuống: Là trong kệ phát sinh sự dẫn dắt, dung hợp.

- Số từ câu: “Luận Thành Duy Thức nói” tiếp xuống: Văn từ đây tiếp xuống thì ở trước đã nêu dẫn chung. Nay sẽ giải thích tóm lược. “Trí đại Viên Cảnh tương ứng với Thức thanh tịnh”, tức quả vị thứ tám, đây là nhân của sự nương dựa. Nương dựa ở đây để biến hiện tức thì.

Từ câu: “Do chỗ tu tập từ trước” tiếp xuống: Đây là Nhân của Hành.

Từ câu: “từ lúc mới thành Phật” tiếp xuống: Là biện giải về tướng của Quả. Thứ nhất, nêu rõ về chỗ dài lâu của chiều dọc (Thời gian). Thứ hai, từ câu: “Viên mãn khắp xuống” tiếp xuống: Là biện minh về tính chất rộng lớn của chiều ngang (Không gian).

- Số câu: “Luận viết”: “Nghĩa là Bình đẳng Tánh trí...”: Phần trên đã nêu dẫn. Trước là nói về trí, sau là nói về hành, đều là Duyên nhân. Cũng dùng Hành làm Nhân, dùng Trí làm Duyên nên gọi là nhân duyên. Hai pháp trên cũng đều là Nhân, tùy theo Bồ tát thập Địa làm duyên. Như trên nói tùy chúng sinh được hóa độ mà biến hóa làm cõi Tịnh, tức là Tướng của Quả. Nơi các địa càng tiến về sau thì lớn hơn so với càng lùi về trước. Càng lùi về trước thì kém, càng tiến về sau thì dần dần hơn hẳn. Phần tiếp dưới, dẫn về nghĩa của Địa đều như Phẩm gốc.

- Số từ câu: “Lại kệ thứ bảy trong y báo có y báo” tiếp xuống: Là dùng nghĩa để phân biệt, xác nhận về môn “Vô Ngại Hành”. Đây là ý của đại sư Hiền Thủ (643-712) trong phần quán về cõi Hoa Tạng. Theo đại sư thì có năm môn:

Một: Thành lập nhân duyên (Nhân duyên thành lập): Ý chính nơi môn này là dấy khởi đầy đủ nhân duyên.

Hai: Tướng trạng bố liệt (Nêu bày về tướng trạng): Tức như Phong Luân, Hương hải ở nơi Phẩm Hoa Tạng.

Ba: Cụ đức viên mãn (Mọi đức đều viên mãn).

Bốn: Y chánh dung nhiếp (Y báo, chánh báo thâm tóm, dung thông)

Năm: Nhiếp thành quán trí (Thâm tóm thành trí quán).

Nay nơi bản Sở giải có hai:

Một: Lặp lại kinh văn để biện minh tóm lược, tức là môn thứ tư vừa nêu (Y chánh dung nhiếp).

Hai: Từ câu: “Nhưng tính chất vô ngại ấy chung có mười thứ” tiếp xuống: Tức là môn thứ ba theo kiến giải trên (Cụ đức viên mãn). Chỉ lý giải hai môn này thì tự thành Trí quán. Cho nên lược không nói đến

môn thứ năm.

Tuy nhiên, chỗ “Đức đầy đủ” (Cụ đức) kia nên bày về một “Hương Thọ” cũng làm rõ mười nghĩa:

Một: Hương Thọ này tức là đức nơi Trí Thân của Phật.

Hai: Tức là chuyển pháp luân.

Ba: Sự lý không ngăn ngại.

Bốn: Đức của Bi, Trí.

Năm: Đức khó nghĩ bàn.

Sáu: Thể dụng vô ngại.

Bảy: Định, Loạn không chướng ngại.

Tám: Đức vi tế.

Chín: Đức nơi cảnh giới của Phật.

Mười: Đức của Duyên khởi không bị ngăn ngại.

Mà trong ngoài cùng đan xen để thành mười môn. Cũng không dẫn chứng. Nay, vì thuận theo kinh nên có thêm bớt lập bỏ, đều dẫn văn để chứng minh, gồm đủ cả Sự, Lý vô ngại, Sự Sự vô ngại. Văn nơi bản Số giải gồm bốn:

Một: Nêu tổng quát.

Hai: Từ câu: “Các Giáo nói về cõi” tiếp xuống: Là lập ý.

Câu: “Hoặc cho chỉ là vô thường”: Là chung cho cả Đại thừa, Tiểu thừa. “Hoặc cho là tâm biến hiện” chỉ là Đại thừa. “Lý sự cách biệt” là nêu rõ đấy chẳng phải là Thật giáo.

Ba: Từ câu: “Một là Sự Lý Vô ngại” tiếp xuống: Là chia môn để giải thích riêng.

Trong phần bàn về môn một “Sự Lý Vô ngại” đã nêu dẫn kinh, tức kinh Hoa Nghiêm quyển thứ mười. Câu cuối của bài kệ là:

“An trụ nơi hư không”

Nay chỉ chọn lấy ý “trang nghiêm” (câu ba: Trang nghiêm thấy thanh tịnh) là nói về Lý không sai biệt của Sự Pháp giới, tức là Vô ngại.

Nơi môn thứ hai “Thành Hoại Vô ngại” không nêu dẫn văn, do nghĩa dễ thấu đạt. Cũng là kệ ấy nên viết là:

*“Trong mỗi mỗi loại cõi
Kiếp thiêu chẳng nghĩ bàn
Chỗ hiện tuy xấu, hoại
Xử ấy luôn thanh tịnh”.*

Trong môn thứ ba “Rộng hẹp không ngăn ngại, kinh viết: Thể Tướng như gốc không sai biệt”, tức là kinh quyển thứ tám, phần kệ giải

thích về chủng loại cõi. Cùng với môn thứ tư (Tương nhập vô ngại), chỗ nêu dẫn, tức là nữa trước của kệ trước đây đủ là:

*“Dùng một cõi nhập về tất cả
Tất cả nhập một cũng không thừa
Thể tướng như gốc không sai biệt*

Không hơn, không lường, biến hiện khắp.”

Nơi môn thứ năm “Tương Tức Vô ngại”, văn dẫn chứng là nơi kinh Hoa Nghiêm quyển thứ bảy. Môn thứ sáu (Vi tế vô ngại) kinh viết “Châu ngọc thanh tịnh bày như mây...”, tức là kệ của “Hương Thủy Hà” thứ tám đầy đủ là:

*“Châu ngọc thanh tịnh bày như mây
Tất cả “Hương Hà” thấy phủ khắp
Châu kia cùng tướng giữa mây Phật
Hiện hiện rõ ràng các ảnh Phật.*

Nay chỉ dẫn ra hai câu đầu và sau, là để làm rõ về nghĩa vi tế.

Môn thứ bảy “Ẩn Hiện Vô ngại” đã lược bớt không dẫn kinh, do nghĩa gồm nhiều. Tức như kệ ở đây có câu:

*“Theo tâm tạo nghiệp chẳng nghĩ bàn
Hết thấy các cõi được thành lập”.*

Tức là nghĩa ấy, do cùng chốn mà thấy khác, nên là “chẳng thể nghĩ bàn”. Lại nữa, kệ nơi phần Hình Trạng viết:

*“Trong tất cả Trần chỗ hiện cõi
Đều là lực thần thông nguyện gốc
Tùy tâm ưa thích loại loại khác
Ở trong hư không đều tạo tác”.*

Giải thích: Đã gọi một Trần tùy chỗ ưa thích đủ loại đủ thứ đều tạo tác tức là Ẩn Hiện tự tại. Nhưng trong văn nơi bản Số giải thích đã lược nêu ra hai thứ Ẩn Hiện:

Một: Ẩn Hiện Nhiễm Tịnh. Như người cảm cầu về thế giới Sa bà, đối nơi thế giới Hoa Tạng mà thấy thế giới Sa bà, tức Tịnh Ẩn mà Nhiễm hiển. Còn cảm cầu về cõi Hoa Tạng, thì đối với thế giới Sa-bà mà thấy cõi Hoa Tạng, tức Nhiễm Ẩn mà Tịnh hiển bày. Cho nên nơi nước Ma kiệt đề mà đất là kim cương v.v...

Hai: Ẩn Hiện dị loại. Như núi chúa Tu Di hiện ra thế giới. Khi một loại hiển bày thì các hình tướng về sông suối đều Ẩn giấu.

Lúc cõi dài rộng hiển bày thì cõi ngắn hẹp liền Ẩn giấu. Phần còn lại có thể theo đây mà nhận biết.

Môn thứ tám (Trùng Hiện Vô ngại) cũng không nêu dẫn văn, do

phần “Thế giới Hoa Tạng mọi trần có. Trong mỗi mỗi trần thấy Pháp giới” đã dẫn nhiều lượt. Nếu lại nêu dẫn nữa thì dựa nơi kệ Trụ. Kệ viết:

*“Lại có quốc độ khắp pháp giới
Thanh tịnh, là cấu từ tâm hiện
Như bóng, như huyền rộng vô biên
Như vòm lưới báu đều sai biệt”.*

Môn thứ chín: (Chủ Bạn Vô ngại), về chỗ nêu dẫn tức nơi kinh quyển thứ tám, thuộc kệ trong phần giải thích về “Hải nhỏ”

Môn thứ mười (Thời Xứ Vô ngại). Câu: “Lại, phần văn tiếp theo nói: “tức nơi kinh Hoa Nghiêm quyển thứ tám, thuộc phần kệ về “Hạ gian” Thọ lâm”.

- Sớ từ câu: “Mười môn vô ngại này” tiếp xuống: Là phần bốn tóm tắt về chỗ giải thích nghĩa của sáu Tướng. Lượt nêu như trước đã nói, rộng diễn như nơi chương riêng về thập Địa.

- Sớ từ câu: “Như thế nào là thế giới rộng lớn” tiếp xuống: Là tùy theo chỗ khó mà giải thích riêng. Như giải thích về hai phần tám, chín có hai cách giải thích nghĩa:

Một là chung cho các Giáo.

Hai là, từ câu: “do vô lậu” tiếp xuống: Tức là tông chỉ củ “Sự Sự Vô ngại”. Ở trên, phẩm Hiền Thủ nói:

*“Hết thấy quốc độ nhập thân ta
Chỗ chư Phật trụ cũng là thế
Ông nên quán lỗ lông nơi ta
Ta nay chỉ ông cảnh giới Phật”.*

- Sớ câu: “Chỗ hiện quốc độ giống như cõi Báo kia nên tầng tầng lớp lớp mà hiện bày chẳng lìa nơi một sợi lông”: Như một ngàn ngọn đèn cùng soi chiếu nơi một sợi lông thì trên một sợi lông có ngàn lớp ánh sáng. Dựa theo dụ để suy xét về Pháp.

- Sớ từ câu: “Trong phần thứ tư, bàn về Thể của cõi, thì các giáo chẳng đồng” tiếp xuống: Tức năm Giáo, nêu ra chỗ giải thích về Thể có hai ý:

Một: Tức phối hợp riêng thì tám Vi là Tiểu Thừa. Duy Tâm là Thủy giáo. Pháp tánh là hai Giáo Chung và Đốn, hoặc tất cả Pháp là Viên Giáo.

Hai: Tức biện minh chung Viên Giáo gồm đủ nơi bốn nghĩa. Đốn giáo chỉ là Pháp tánh. Tiểu Thừa chỉ là tám Vi. Thủy giáo là Chung giáo thì chung nơi ba nghĩa trước. Nếu ba nghĩa đều riêng thì hai là Thủy

giáo. Nếu ba nghĩa vô ngại, tánh tướng viên dung tức là Chung giáo. Tông Pháp tướng nêu ra chỗ riêng của thể:

Một là Cõi Pháp tánh, dùng Chân như làm Thể.

Hai là Cõi Thật Báo, là lực vô úy vv tất cả công đức vô lậu nơi năm uẩn dùng làm Thể Tánh.

Nếu thâm tóm Tướng quy về Tánh thì cũng Chân như làm Thể.

Ba là Cõi Sắc Tướng, thâm tóm Cảnh theo tâm tự lợi, Hậu Đắc Trí làm Thể. Luận Phật địa nói; “Thức tịnh tối cực tự tại là tướng. Tướng tức là Tướng của Thể. Nếu căn cứ nơi phần riêng của Tướng, tức bốn Trần là Thể”.

Bốn là Cõi Tha Thọ dụng. Thâm tóm cảnh theo Tâm lợi tha, Hậu Đắc Trí là Thể. Thâm tóm Tướng quy về Tánh, cũng dùng Chân như là Thể. Nếu dựa theo chỗ riêng của Tướng thì cũng là bốn Trần.

Năm là Cõi Biến hóa, đồng với Thể của Tha Thọ dụng ở trước. Nêu rõ Thủy giáo dùng đủ ba pháp. Viên giáo thì do Tánh dung thông Tướng, Tướng không ngăn ngại nên chung cho tất cả pháp. Tức Sự Sự vô ngại chính là Thể. Vì thế, văn nơi Sở giải viết: “Nay đều gồm đủ”.

Tiếp theo là nêu dẫn kinh, gồm thâm đầy đủ. Phần sau là dung thông vô ngại.

- Sở câu: “đoạn thứ năm, nói về trang nghiêm cõi” đến “hoặc dùng vật báu để trang nghiêm”: Nhưng trang nghiêm có ba, tức gọi là ba Tịnh

Một: Xứ sở tịnh, tức các thứ báu là sự trang nghiêm.

Hai: Trú xứ chúng sinh tịnh, tức người là vật báu làm sự trang nghiêm.

Ba: Pháp môn lưu bố tịnh, tức dùng pháp làm sự trang nghiêm.

Đối với văn có thể nhận biết.

- Sở câu: “đoạn thứ sáu, nêu rõ về sự thanh tịnh của Cõi”: Văn nơi bản Sở giải có bốn phần:

Một: Nêu chung về đại ý.

Hai: Hiện bày riêng về Tướng.

Ba: Đối chiếu với Giáo để phân biệt, định rõ.

Bốn: Đối hợp với văn để phân biệt, tránh sự lẫn lộn.

- Một: Nói “Chỉ căn cứ nơi Tịnh”: Do nói thanh tịnh nên không đồng với hình tướng là chung nơi nhiễm.

Nói “chỗ tận cùng của hành” tức là ý của đại sư Đạo Sinh. Nơi sách “Chú giải kinh Tịnh Danh”. Đại sư viết: “chỗ tận cùng của hành” nơi Tịnh độ chẳng phải là tạo tác. Tạo tác nơi cõi, tức các loại chúng

sinh”. Trong mười bốn khoa, giải thích nghĩa Trí (chỗ tận cùng) nêu:

Hỏi: Thế nào là Trí mà chẳng phải là thủ đắc?

Đáp: Phạm gọi là Trí, tức Thế là vật giả, tuy đạt được mà chẳng phải là chính mình”.

Giải thích: Nghĩa là nhân nơi cái khác mà đạt được nên gọi là Trí. Tức là Phật tu tập muôn hạnh, hưởng thẳng tới cõi Chân Cực, chẳng chấp giữ nơi sắc tướng, Tha Thọ dụng, cùng nhân với các chúng sinh khác, bèn dùng tâm đại bi, vì muôn loài mà chọn lấy cõi, nên gọi là chỗ tận cùng của Hạnh”. Đã nhân nơi muôn Hạnh mà đạt đến cõi, tất kết hợp với Tịnh.

- Sở từ câu: “Nhưng Tịnh có hai thứ” tiếp xuống: Là phần hai, hiển bày riêng về Tướng. Lần lượt chia ra nên thành bốn lớp, đều dùng phương tiện làm nhân, thanh tịnh là quả.

Trong đối thứ nhất, nói “Dùng sáu Hạnh làm phương tiện”.

Nghĩa là chán cái khổ và những chướng ngại thô nơi cõi thấp, vui cầu sự tịnh diệu ly của cõi trên, nên lấy hai cõi Sắc và Vô sắc làm cõi Tịnh.

- Sở từ câu: “Ở đây lại có hai thứ” tiếp xuống “Là đối thứ hai về cõi Tịnh của hai Thừa, trong phần “Huyền đàm” đã biện minh.

- Sở từ câu: “Tuy nhiên, trong loại Tịnh Xuất Thế Thượng Thượng” tiếp xuống: Là đối thứ ba, nói “kinh Nhân Vương có câu...” tức nơi Phẩm Bồ tát Hạnh, vua Ba Tư Nặc tán dương Phật. Nữa bài kệ trước nói.

*“Chánh giác, vô tướng khắp Pháp giới
Nhãn vô sinh, Trí tận tròn sáng
Lặng soi chân giải thoát vô ngại
Đại bi ứng hiện không gì sánh.
An nhiên, chẳng động, thường yên định
Hào quang tỏa chiếu mọi nơi chốn
Ba hiền, mười Thánh trụ quả báo
Chỉ mỗi mình Phật trụ cõi Tịnh”.*

Ở nơi văn dễ nhận biết. Như nơi kinh Anh Lạc cũng nói: “Phật tử! Có cõi gọi là nơi chốn an trú của tất cả Hiền Thánh. Vì thế, hết thấy chúng sinh, hết thấy Hiền Thánh đều có cõi của quả báo nơi chính mình cư trú. Như chúng sinh phạm phụ trụ trong năm ấm là cõi của chánh báo. Rừng núi, đất đai... gọi là cõi của y báo. Bạc Thánh nơi địa thứ nhất cũng có hai cõi:

Một là Cõi Thật Trí. Trí trước là Trụ, Trí sau là Cõi.

Hai là, cõi biến hóa tịnh, uế, trải qua nhiều số kiếp ứng hiện, cho

đến cõi của địa Vô cấu cũng như thế. Tất cả chúng sinh, cho đến địa Vô cấu đều chẳng phải là cõi Tịnh, đều trụ nơi quả báo. Chỉ có Phật, độc nhất an trụ nơi cõi của Trung đạo đệ nhất Pháp tánh do vậy Như lai ngày trước ở nơi điện Phổ Quang, đã vì tất cả chúng sinh nêu giảng rộng về pháp môn Tịnh độ”.

Hai đoạn kinh nêu dẫn trên xác nhận chỉ Phật là tịnh.

- Sở từ câu: “trong phần chưa đạt tới chỗ tột bậc lại có hai thứ” tiếp xuống: Là đối tứ tứ. Nói “Hoàn toàn dứt hết mọi trói buộc nơi sắc”:
Là Đại sư Đạo Sinh, trong mười bốn khoa bàn về nghĩa Tịnh độ đã viết:

“Phàm chưa thoát khỏi những hệ lụy về hình tướng, từ tám địa trở về trước, đang quán về sinh Không, tức ra khỏi cõi Tịnh, tức ở nơi cõi uế. Tám địa trở lên, tăng trưởng quán sinh không tức tăng trưởng ở nơi cõi Tịnh, nên cần phải nhờ vào cõi để tự an trụ. Tám địa trở lên đã vĩnh viễn dứt tuyệt mọi trói buộc nơi sắc, soi sáng nơi Thể đứng riêng, chỗ thần diệu nơi tâm đã rộng mở, không còn giới hạn. Cõi cũng như thế”.

Ý cho rằng: Tám địa thanh tịnh với Pháp Nhãn vô sinh, đạt được tự tại đối với sắc, lìa bỏ phần đoạn sinh tử, nên gọi là “Vĩnh viễn dứt tuyệt mọi trói buộc nơi sắc”. Mọi pháp nơi thế gian, xuất thế gian, tâm không còn hiện tiền, nên viết là “soi chiếu nơi Thể đứng riêng”. Xứng hợp với tính chất hiện hữu khắp của Tánh, nên gọi là chỗ “Chỗ thần diệu nơi Tâm đã rộng mở, không còn giới hạn. thần tức chỗ thần diệu của Tâm. Sách Chu Dịch có câu: thần là cái diệu nơi muôn vật mà nêu bày ra lời. Cho nên thần thì không phương sở, mà Dịch thì không Thể tánh’. Đã không còn mọi hệ lụy nơi Sắc, nên Tướng của cõi ấy khó có thể dùng tên để xưng gọi.

- Sở: “Bảy địa trở lại” tức “chưa ra khỏi ba cõi”. “Dựa nơi kẻ đến thẳng”, tức chưa rời bỏ Phần đoạn sinh tử.

Nói “Trí quán vô lậu có sự gián đoạn” tức là sáu địa trở xuống. Nếu đạt tới bảy địa thì sự quán không còn gián đoạn. Dựa theo kinh Thập địa thì sáu địa trở xuống là nhiễm, tám địa trở lên là Tịnh. Địa gọi là trung gian, cũng có thể gọi là nhiễm, mà cũng được gọi là tịnh, hoặc chẳng phải là nhiễm, chẳng phải là tịnh. Nay chọn lấy nghĩa nhiễm nên cho chẳng phải là thuần tịnh.

- Sở từ câu: “Nếu nơi Luận Du Già” tiếp xuống: Là phần ba, đối chiếu với Giáo để phân biệt, định rõ. Phần này có thể nhận biết.

- Sở từ câu: “Nhưng, phương tiện tịnh tức là nhân của tịnh” tiếp xuống: Là phần bốn, đối hợp với văn để phân biệt tránh sự lẫn lộn.

Phần này gồm hai:

Một: Đối hợp với văn ở đây: Từ trước tới giờ bốn đối đều căn cứ nơi thanh tịnh là Quả, phương tiện là Nhân. Nay dùng theo nghĩa chung, phương tiện cũng là Quả. Gần gũi với bạn lành là phương tiện. Nay được vật báu là người để trang nghiêm thì gồm luôn cả nơi Quả. Cho nên các cõi như Cực Lạc v.v... Với các hàng người thiện tột bậc cùng gặp nhau nơi một chốn là quả Đẳng lưu.

- Sở từ câu: “Tuy nhiên so với trang nghiêm” tiếp xuống: Là phần hai, đối hợp với văn trước để phân biệt rõ. Như trong phần Trang Nghiêm nói: “Hoặc cho là tất cả Bồ tát với công đức để trang nghiêm, cùng với ở đây là sự tăng trưởng nơi vô lượng vô biên công đức rộng lớn biến hiện khắp Pháp giới, nên văn giống nhau. Lại nữa, trong phần kệ kia hầu hết đều nêu Nhân để bày Quả nên cùng với phần văn xuôi ở đây là đồng. Ở đây cho rằng: “Từ bi rộng lớn bao trùm khắp chúng sinh, dùng điều ấy để trang nghiêm nơi các “Sát Hải”(Vô lượng vô biên Cõi), cùng với sự trang nghiêm đồng đầy khởi đầy đủ nhân duyên”. Nhân các cõi Tịnh cùng với văn xuôi ở đây nói về việc tu tập nhân tịnh là giống nhau, nên cần có sự phân biệt ấy. Văn nơi bản Sở giải có hai: Một là làm rõ chỗ khác biệt của môn. Nghĩa là đối tượng được sử dụng tuy là một mà nơi chốn sử dụng thì chẳng đồng. Cũng như giảng nói pháp ở nơi môn bố thí thì gọi là Pháp thí, ở nơi môn trí tuệ thì gọi là phương tiện v. v...

- Sở từ câu: “Lại khởi đủ nhân duyên chung cả nhiễm tịnh” tiếp xuống: Là phần hai lại dùng lý riêng để phân biệt nơi hai môn. Tức đủ duyên là chung thì xứ đây là riêng. Cho nên phần Sở giải ở trước viết “Chỉ căn cứ nơi tịnh”, đối chiếu với sự trang nghiêm thì nhiều ít chẳng đồng. Như nhiều thứ thuốc hòa hợp thì theo chốn, cõi mà được gọi tên. Trong định có Tuệ thì chỉ nhấn mạnh về định. Trong Tuệ có định thì chỉ gọi là Bát-nhã. Cho nên cho là: “kia trang nghiêm đa phần căn cứ nơi Quả, còn đây (thanh tịnh) thì hầu hết căn cứ nơi Nhân.

Nói “Trước thì phần nhiều là tu tập về thiện” thì cũng là theo tính chất nhiều ít mà nói. Trước thì dùng nhân đối hợp với quả để bàn về chỗ nhiều ít. Còn đây thì chỉ căn cứ trong nhân tự có nhiều ít. Trước nêu: “Biển công đức vô biên của Bồ tát, cùng với hạnh nguyện của Phổ Hiền, các Phật tử với kiếp chúng sinh nên siêng năng tu tập”. Đây là đa phần tu tập về thiện. Còn nay thì văn viết: “Thanh tịnh tu tập các thắng giải rộng lớn, thành tựu diệu lực thanh tịnh nơi phương tiện. “Tức là phần nhiều nhằm vào đối trị ác. Văn rõ ràng, có thể nhận biết.

- Sở câu: “Như Đồng tử Thiện Tài ở nơi Dạ thần nói”: Tức là kinh

Hoa Nghiêm quyển thứ bảy mươi ba, Dạ thần Đại Nguyên Tinh Tấn Lựa, thiện Tài lần đầu được gặp, đối nơi bậc Thiện tri thức ấy cùng phát khởi mười Tâm, liền đạt được vô số Hành nhiều như số lượng vi trần trong cõi Phật, đó là “đồng niệm”, vì tâm luôn nhớ nghĩ đến mười phương chư Phật trong ba đời. Là “đồng tuệ”, vì tâm luôn phân biệt, quyết định tất cả pháp v.v... Diễn rộng như đoạn kinh ấy đã nêu bày. Từ đây trở xuống có mấy đoạn đều như văn nơi kinh Thập Địa.

- Số câu: Nửa trước là phương tiện, nửa sau là thanh tịnh”: Là do các câu tiếp dưới đều có nói đến Phương tiện, Thanh tịnh.

Nói “Đều thấy câu trên là quả, câu dưới là nhân”: Tức theo đa phần mà nói thì Phương tiện là Nhân, Thanh tịnh là Quả. Nếu nói chung thì đều chung cả Nhân Quả. Phương tiện là căn cứ nơi Nhân thì sự thiện xảo xuất phát nơi cõi. Phương tiện căn cứ nơi Quả thì nghiệp dụng y chính là tướng của cõi Tịnh. Thanh tịnh căn cứ theo Nhân thì lìa mọi thứ che phủ, chướng ngại. Thanh tịnh căn cứ theo Quả thì không có ba đường ác tám nạn.

- Số câu: “Trong năm đối thì đối một và đối hai là tùy theo loại kia”: Như Phật ứng hiện nơi cõi Sa-bà chỉ thích hợp với thân tướng một trượng sáu. Nếu sinh nơi thế giới Cực Lạc thì thân tướng là vô lượng do tuần. Chẳng thể đem Như Lai với thân tướng là vô lượng do tuần để hóa độ chúng sinh với thân tướng ba thước. Phật với thân tướng một trượng sáu hóa độ con người thọ lượng với thân tướng vạn trượng cũng thế. Sống nơi cõi này chẳng đầy một trăm năm, còn thọ mạng của người dân nơi cõi Phật Di Đà đều là vô lượng. Nhưng một đối này cũng chung cho tính chất nhiều ít của căn cơ được hóa độ.

Câu: “Tiếp theo là tính chất rộng hẹp của một duyên”: Duyên rộng thì cõi rộng, như cõi của Văn Thù, Phổ Hiền. Duyên hẹp thì cõi hẹp như quốc độ của Ca Diếp, Quang Đức.

Bốn là thích ứng với việc lãnh hội về ba Thừa, thì chỗ báu vi diệu của Nhất Thừa còn là bí mật. Thích nghi với việc lãnh hội Nhất Thừa thì phế bỏ các thứ xe nhỏ là xe dê và xe nai.

“Năm là căn tánh thành thực, chưa thành thực”: Tức giáo hóa nhiều như sự giáo hóa của Thích Ca. Chưa thành thực thì giáo hóa ít như Tu-phiến-đa. Như Lai cũng là duyên rộng hẹp trong Nhân.

- Số từ câu: “Một niệm cùng với kiếp” tiếp xuống: Là giải thích về nghĩa phương tiện theo duy tâm. Nhưng nói “Một niệm cùng với kiếp đều do tâm tướng” là có hai ý:

Một: Do có sự tưởng niệm. Tức là có Sát-na, ấy tích chứa sát na

này, rốt cuộc thành kiếp. Tâm tướng nếu diệt, thì sanh tử tuyệt dứt mãi. Đây là thuận theo kinh văn.

Hai: Tất cả cảnh giới đều dựa nơi vọng niệm mà có sai biệt.

Nếu lìa tâm niệm thì không có tướng của tất cả cảnh giới, đây là thuận theo ý của kinh, thành “duy tâm quán”, vì thế văn nơi bản Sở giải viết: “Tâm tướng chẳng sinh thì dài ngắn sao tồn tại? Không dài không ngắn tức thể của Tâm thanh tịnh”. Do vậy nên kinh nói: “Dùng toàn bộ phương tiện đều thanh tịnh”. Đây là căn cứ theo chân tánh. Câu thứ ba là nghĩa chẳng hủy hoại tướng. Tướng tánh không ngăn ngại là nghĩa Sát hải (vô lượng vô biên cõi).

- Sở câu: “Hai là chỉ căn cứ nơi kiếp trụ mọi người ở trong ấy có thiện ác”: Lại có hai nghĩa:

Một: Căn cứ nơi nhân vốn có dẫn dắt của chúng sanh.

Hai: Căn cứ nơi tác dụng của chư Bồ tát ở trong ấy, tâm thuần thiện, nên nhiệm tịnh dung hợp, thấu triệt.

- Sở câu: “Một là gặp phải duyên xấu ác nên tịnh biến thành nhiễm”.

Tức là chúng sanh cấu nhiễm trụ trong kiếp ấy. Kinh Hoa Nghiêm, quyển thứ bảy mươi hai có đoạn:

*“Thời xưa thành ấy này
Lúc chưa có đại vương
Chẳng được mấy may vui
Giống như chốn quỷ đói
Chúng sinh sát hại nhau
Trộm cướp cùng dâm dật
Hai lối lời dối trá
Câu thơ ác vô nghĩa
Tham cầu của cải người
Giận dữ tâm độc ác
Tà kiến, chẳng hành thiện
Mạng chung đọa cõi ác
Do những chúng sinh ấy
Bị ngu si che phủ
Ở trong kiến điên đảo...”*

Trên là duyên xấu ác.

*“Trời chẳng hề ban hành
Mưa gió không thuận hợp
Lúa thóc đều chẳng sinh*

*Cỏ cây thấy khô héo
 Đồi chưa có đại vương
 Sông hồ đều khô cạn
 Thấy người đầy nơi vườn
 Xem như chốn đồng hoang...”
 Tức là kiếp biến chuyển.*

- Số câu: “Lúa thóc tự nhiên sinh”: Tức là phần tiếp theo của đoạn kinh trên. Kinh viết:

*“Đại vương lên ngôi báu
 Rộng cứu khắp muôn loài
 Mây mát phủ tám phương
 Mọi nơi chốn mưa xuống...”*

Tức là chuyển hóa mười ác thành mười thiện. Sự chuyển hóa về trộm cắp cho thấy:

*“Các chúng sinh ngày trước
 Bần cùng, quần áo thiếu
 Dùng cỏ tự che thân
 Gây xấu như quỷ đói
 Đại vương đã xuất hiện
 Lúa thóc tự nhiên sinh
 Trong cây hiện y phục
 Nam nữ đều xinh đẹp...”*

Tức là sự việc ấy.

- Số câu: “Ba tức là trước địa”: “Tín giải” là tên gọi chung của hàng “trước địa”, cũng gọi là “Hành trụ thắng giải”. Tức chưa chứng đắc Chân như, chỉ dựa nơi diệu lực của sự hiểu rõ (Giải) mà tu tập, hành trì.

- Số câu: “Hoặc dùng nhiều trang nghiêm để làm nghiêm tịnh một cõi”: Như phần Hồi Hưởng thứ năm, tức nguyện thâm tóm khắp mười phương, ba đời các cõi Phật hiện có với tất cả mọi thứ trang nghiêm để trang nghiêm nơi một cõi. Một cõi đã vậy thì tất cả cõi cũng thế. Đến bậc địa thứ nhất thì mới có thể theo nguyện thành tựu, như đã nêu trong tám địa, thập Địa.

Nói “Hoặc dùng một thứ trang nghiêm mà làm nghiêm tịnh nhiều cõi”:

Phần Hồi Hưởng thứ hai nói:

*“Dùng một trang nghiêm, nghiêm hết thấy
 Cũng chẳng nơi pháp sinh phân biệt
 Khai ngộ các chúng sinh như thế*

Tất cả Không tánh không chốn quán”.

Câu: Như trên kim khẩu hòa quang gọi mời chúng hội tức nơi kinh Hoa Nghiêm quyển thứ sáu: Chư vị Bồ tát đã đến chúng hội, hiện diệu dụng tự tại, như thế đều an tọa xong xuôi. Chư vị Bồ tát ấy, trong lỗ chân lông nơi thân, mỗi mỗi lỗ đều hiện bày tất tả các báu nhiều như số vi trần của mười Thế giới Hải, với đủ thứ đủ loại màu sắc, ánh sáng. Trong mỗi mỗi luồng ánh sáng hiện bày các vị Bồ tát nhiều như số vi trần nơi mười Thế Giới Hải. Mỗi vị Bồ tát đều an tọa trên tòa sư tử của Tạng Liên Hoa. Chư vị Bồ tát ấy đều có thể biến hiện khắp đến tất cả Pháp giới. Với số lượng vi trần hiện hữu trong các “An Lập Hải”, trong mỗi mỗi vi trần đó đều có các cõi rộng lớn nhiều như số vi trần nơi mười thế giới Phật. nơi mỗi mỗi cõi ấy đều có chư Phật Thế Tôn trong ba đời. Chư vị Bồ tát kia thấy đều có thể biến hiện đến khắp các cõi để gần gũi, cúng dường chư Phật ...” tức là trang nghiêm các cõi trong vi trần.

- Số: “Phật diệt độ một trăm năm, sữa chẳng sánh bằng nước”:

Tức nơi kinh A dục Vương nói: Vua A dục thường cúng dường các bậc Thánh Tăng. Có vị Thượng Tọa ăn hơi nhiều sữa. Vua thưa: Sữa nếu ăn nhiều sợ sinh các thứ bệnh tật. Vị Thượng Tọa nói: Sữa này đâu có diệu lực gì! Chẳng sánh bằng nước thời đức Thế Tôn còn tại thế. Nay Phật đã diệt độ, tất cả mọi thứ tinh thuần đều chìm sâu nơi đất. Vua A dục nguyện được thấy nước thời Phật tại thế. Vị Thượng Tọa bèn đưa cánh tay ấn mạnh vào đất lấy ra nước. Vua A dục nếm thử thì đúng là hơn cả sữa...” Nên biết rõ là con người phước đức đã mất thì cũng có thể khiến cho sự vật cũng mất theo. Một trăm năm hãy còn như thế, huống chi là hiện nay đã cách Phật gần hai ngàn năm, phước đức của con người lại càng mỏng kém.

Câu: “Huống chi đối với thời “Giảm cực”, gạo xấu là món ăn bậc nhất, Sắt là thứ dùng để trang nghiêm bậc nhất” tức như các kinh Khởi Thế đã nêu giảng.

- Số câu: “Tám, chư Phật Di Lạc hiện ra”: Là nơi kinh Di Lạc Hạ Sinh. Kinh có đoạn: “Phật nói với Tôn giả Xá Lợi Phất: Nước nơi bốn biển lớn dần còn ba ngàn do tuần, bấy giờ đất ở Diêm Phù đề dài mười ngàn do tuần, rộng tám ngàn do tuần, đều bằng phẳng như gương. Các thứ hoa đẹp, cỏ mềm che phủ khắp mặt đất. Vô số các loại cây cỏ hoa trái sum suê, tươi tốt. Những thứ cây kia thấy đều cao ba mươi dặm. Thành quách thôn ấp nối tiếp nhau, san sát. Thọ mạng của con người là tám vạn năm, trí tuệ, uy đức, hình sắc, sức lực đều gồm đủ, an ổn vui sướng. Có một thành lớn tên là Sí đầu Mạt để, dài mười hai do tuần,

rộng bảy do tuần. Thành đều làm bằng bảy báu, trên có lầu gác với các thứ cửa chính, cửa sổ mái hiên đều có các loại châu báu giăng phủ. Hòa quanh thành rộng mười hai dặm. Ngã tư, đường lớn, ngõ hẹp, nơi nơi đều có các trụ cao bằng ngọc báu sáng ngời, chốn chốn đều có chỗ tích tụ vàng bạc. Các vật như uest đều được mặt đất nứt ra để nhận vào, rồi hợp lại như trước. Cũng không có các việc suy thoái buồn khổ, các nạn về binh đao, lửa nước, mất mùa đói kém, độc hại bức bách. Nơi vườn rừng, ao hồ, nước gồm đủ tám thứ công đức, hoa đẹp, hương lạ tỏa xông khắp nẻo. Chẳng sinh các loài cỏ tạp dơ uest. Lúa chỉ một lần gieo trồng mà thu hoạch bảy lần, hương vị ngon thơm tuyệt vời, càng tăng thêm sức mạnh cùng sắc thân cho con người...” Rộng diễn như nơi kinh ấy.

- Sở câu: “Kinh Tịnh danh nói về việc đức Thế Tôn dùng ngón chân ấn mạnh xuống đất”: Tức là Phẩm Phật Quốc nói: “Tùy nơi tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất vâng theo uy thần của Phật, suy nghĩ: “Nếu Bồ tát tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Vậy đức Thế Tôn của ta đây lúc còn hành đạo Bồ tát, tâm ý há chẳng tịnh, tại sao quốc độ này bất tịnh đến như thế?” Đức Phật liền đáp: “Quốc độ này của Như Lai thì thanh tịnh mà Tôn giả không thấy”. Lúc ấy, đức Thế Tôn liền dùng ngón chân xuống đất, tức thì cả Tam thiên đại thiên thế giới, với bao nhiêu trăm ngàn châu báu trang nghiêm nơi cõi. Hết thấy đại chúng đều tán dương là sự việc chưa từng có, và ai cũng tự thấy mình ngồi trên hoa sen báu...”

- Sở câu: “Kinh Pháp Hoa với ba lần biến hóa về cõi Tịnh”: Là nơi Phẩm Bảo Tháp xuất hiện, Bồ tát Đại Nhạo Thuyết xin được mở cửa nơi tháp báu. Phật bảo: cần phải tập hợp các Phân thân. Bồ tát Đại Nhạo Thuyết xin được nhìn thấy Phân thân Phật nơi tập hợp. Đức Thế Tôn liền phóng hào quang mời gọi đến phương xa. Vì nhằm thọ nhận Phân thân Phật, nên lần một là biến hóa nơi thế giới Sa bà. Lần hai là ở nơi tám phương, đều lại biến hóa hai trăm vạn ức na do tha quốc độ, thấy đều thanh tịnh, chỗ Phật an tọa chưa đủ. Lần ba, lại biến hóa hai trăm vạn ức na do tha quốc độ, đều khiến thanh tịnh. Cho nên gọi là ba lần.

- Sở: “Nghĩa là chín phần trước biện giải về các thế giới, căn cứ nơi tướng chẳng giống nhau”: Cho đến đều biến hiện khắp, nên đều nêu tên gọi để giải thích. Trong phần này gồm ba:

Một: Căn cứ nơi Tánh, Tướng cùng đối nhau. Tướng thì có sai biệt, còn Tánh thì không sai biệt.

Hai: Từ câu: “Lại, căn cứ nơi quyền biến” tiếp xuống: Là dựa theo quyền, thật cùng đối nhau. Thật thì không sai biệt.

Ba: Từ câu: “Lại nữa, đều là chỗ dụng của chư Phật” tiếp xuống: Là gồm thâu sai biệt cùng không sai biệt, đều quy về chỗ dụng của Quả. Hai đối nêu trước là Tánh Tướng, Quyền Thật là hai, chẳng tương tức. Còn nay thì dung thông, tương tức.

Nói “Sai biệt của không sai biệt”: Là “Hành bố” của “Viên dung”. “không sai biệt của sai biệt” là Viên dung của hành bố. nếu lìa Viên dung thì không thể có sai biệt. còn như lìa sai biệt thì cũng không thể có viên dung. như thâu gồm cái riêng để thành cái chung, chẳng phải là lìa hẳn cái riêng mà có cái chung ấy. Phần nêu dẫn kinh Pháp Hoa chính là nhằm nêu rõ hai cái ấy chẳng lìa nhau.

Từ câu “do dựa nơi nghĩa ấy” tiếp xuống: Là hiển bày mười tám thứ viên mãn do đầy mà thành tựu.

- Số câu: “Tức tận cùng số vi trần của Hải, một vi trần, Một cõi đã là nghĩa thâu tóm, bao hàm”: Do nơi kinh nói: “Trong mỗi mỗi Thế giới hải có thế giới không sai biệt nhiều như số vi trần trong Thế giới Hải.

Nghĩa là mỗi một Thế giới Hải lại có số thế giới nhiều như số lượng vi trần trong Thế giới Hải. tức nghĩa chính một vi trần là một thế giới trọn vẹn. chỉ dựa theo một câu ấy đã làm rõ tính chất thâu tóm, dung thông, giải thích nghĩa không sai biệt khéo thành tựu. Nếu cõi cõi cùng đối chiếu để bàn về tính chất không sai biệt, thì không sai biệt hoàn toàn là ít. Nay trong mười câu, câu câu đều nói đến cảnh giới của Thế giới Hải, tức trong một Hải đã có số lượng cảnh giới không sai biệt của mười thế giới Hải. Cho nên theo hướng thâu tóm, dung thông mà suy xét.

- Số: “Nhưng ở trước chỉ căn cứ nơi chỗ bình đẳng, rộng khắp không sai biệt”. Tức như phần văn xuôi viết: “Trong mỗi mỗi Thế giới Hải hiện có chư Phật với uy lực không sai biệt”. Nay thì đều cho rằng: “Trong mỗi mỗi cảnh giới vô lượng ánh sáng v.v... tức là tính chất không sai biệt là trùng điệp vô tận”.

- Số từ câu: “Như nói dựa nơi chỗ cùng đồng sự”: Tức là tóm kết, nhận xét về ý kiến của người xưa. Nghĩa là kinh nêu mười sự đều căn cứ nơi tính chất thâu tóm, dung thông. Nếu dựa theo nghĩa của kiến giải đã từ trước thì tại sao không nói “Trong mỗi mỗi Thế giới hải, nhiễm tịnh không sai biệt.” Mỗi mỗi Thế giới Hải do chúng sinh thọ khổ không sai biệt, do trong Thế giới Hải đều có nhiễm, có khổ. Cho nên văn nơi bản Sớ giải kết luận: “Há trong Thế giới Hải hoàn toàn không có điều ấy sao!” Nay kinh không nói tới, nên biết rõ là căn cứ nơi tính chất thâu tóm dung hợp không sai biệt.